TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 41 /2019/DS-ST
Ngày 29 /10/2019.
"*V/v:* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản *".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Xuyến
- Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu, ông Nguyễn Mạnh Dũng
- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Trong các 21 và ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 09 năm 2019, về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa ra xét xử số 91/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên Đơn**: Nguyễn X Ch ; Sinh năm 1995 (Có mặt)
Địa chỉ : Khu phố 5- Thị trấn Ph C 1, huyện C T, tỉnh Lâm Đồng.
Người đại diện theo ủy quyền:
Đặng H M Nh, Sinh năm : 1978 (Có mặt)
Địa chỉ: Khu Đức Lập - Thị trấn Đ Ph , huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.
- **Bị đơn:** Nguyễn M H (tên gọi khác Nguyễn V T); Sinh năm 1979(Có mặt)
Địa chỉ : Thôn 3, xã Th Nh , huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày: Vào ngày 02/11/2018 Tôi có cho anh Nguyễn M H vay số tiền 200.000.000đ, hẹn ngày cuối cùng 02/04/2019 thì trả, khi vay có ký nhận giấy mượn tiền, lãi suất 5%/1 tháng , đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả, nay tôi đề nghị anh Nguyễn M H tên gọi khác Nguyễn V T phải trả cho tôi số tiền đã vay 200.000.000đ và lãi suất chậm trả kể từ ngày 03/4/2019 đến nay.

Bị đơn Nguyễn M H (Tài) trình bày : Tôi có vay tiền của anh Nguyễn X Ch là đúng, tôi có ký giấy mượn tiền, ký tên Nguyễn V T là tên thường gọi, giấy vay tiền là đúng, về số tiền vay thực chất chỉ có 120.000.000đ nhưng tôi viết nợ khống lên để sau này tôi lấy thêm tiền của vợ tôi. Tôi không có gì chứng minh số tiền vay thực chất 120.000.000đ. Tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả nợ tiền gốc 200.000.000đ và tiền lãi, nhưng không xác định thời hạn trả nợ. Người làm chứng Nguyễn H G tôi không cung cấp được địa chỉ, không liên lạc được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

1/ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay 200.000.000đ.

Xét thấy : Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận vào ngày 02/11/2018 anh Nguyễn X Ch có cho anh Nguyễn M H vay tiền , giấy vay tiền mà các bên đã ký kết là đúng, số tiền đã ghi trong giấy 200.000.000đ là đúng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 02/04/2019 là đúng, nhưng bị đơn cho rằng thực chất chỉ vay 120.000.0000đ và nhận khống nợ lên 80.000.000đ nữa để sau này bị đơn lấy thêm tiền của vợ mình 80.000.000đ, vì vậy mới ghi số tiền nợ 200.000.000đ có người làm chứng Nguyễn H G chứng kiến. Nhưng tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả số tiền gốc 200.000.000đ và tiền lãi, nhưng trả dần, không xác định được thời hạn, nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn.

Xét thấy : Theo quy định pháp luật bên vay tài sản là tiền phải có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn.Như vậy anh Nguyễn M H có vay tiền của anh Nguyễn X Ch ngày trả nợ cuối cùng là ngày 02/04/2019, đã quá thời hạn trả nợ nhưng đến nay bị đơn chưa trả.

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bị đơn anh Nguyễn M H trả số tiền đã vay 200.000.000đ cho anh Nguyễn X Ch.

Về tiền lãi: Trong hợp đồng vay tiền mà các bên đã ký kết không thỏa thuận về lãi suất cho vay, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tính lãi suất chậm trả từ ngày 03/04/2019 đến nay 29/10/2019 là 06 tháng 26 ngày, mức lãi theo quy định hiện nay 0,83%/1 tháng .

200.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 06 tháng 26 ngày = 11.398.666đ.

Tổng cộng tiền gốc và lãi mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là: 211.398.666đ

4/ Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Nguyễn M H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định là

211.398.666đ x 5% = 10.569.933đ.

Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 4, điều 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Nguyễn M H (tên gọi khác Nguyễn V T) trả số tiền 200.000.000đ cho anh Nguyễn X Ch .

Và số tiền lãi 11.398.666đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 211.398.666đ.(Hai trăm mười một triệu,ba trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng.)

2/ Về án phí: Buộc bị đơn Nguyễn M H (tên gọi khác Nguyễn V T) phải nộp tiền án phí là 10.569.933đ.

Chi cục thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Nguyễn X Ch số tiền 5.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0009699 ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến